

Số: /TB-ĐHNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

THÔNG BÁO

**Dạng thức đề thi và nội dung ôn thi tuyển sinh đào tạo
trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng các chuyên ngành
đợt 1 năm 2021**

Căn cứ Thông tư số 15 /2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Kế hoạch số 642/KH-ĐHNV ngày 09/4/2021 của Trường Đại học Nội vụ Hà Nội về việc tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng đợt 1 năm 2021;

Trường Đại học Nội vụ Hà Nội thông báo dạng thức đề thi và nội dung ôn thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng chuyên ngành Quản lý công và chuyên ngành Luật hiến pháp và luật hành chính đợt 1 năm 2021 như sau:

Chuyên ngành tuyển sinh	Môn thi	Dạng thức đề thi	Đề cương ôn thi
Chuyên ngành Quản lý công			
Môn không chủ chốt	Quản lý học đại cương	Phụ lục 01A	Phụ lục 01B
Môn chủ chốt	Lý luận chung về hành chính nhà nước	Phụ lục 02A	Phụ lục 02B
Chuyên ngành Luật hiến pháp và luật hành chính			
Môn không chủ chốt	Lý luận về nhà nước và pháp luật	Phụ lục 03A	Phụ lục 03B
Môn chủ chốt	Luật Hiến pháp Việt Nam	Phụ lục 04A	Phụ lục 04B

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (đề b/c);
- Bộ Nội vụ (đề b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (đề b/c);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường;
- Website Trường;
- Lưu: VT, SĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Quốc Sửu

PHỤ LỤC 01A

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-ĐHNV ngày / /2021
của Trường Đại học Nội vụ Hà Nội)

DẠNG THỨC ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG Môn thi: Quản lý học đại cương

I. Thông tin chung:

1. Dạng thức đề thi được sử dụng để triển khai tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng chuyên ngành: Quản lý công

2. Nội dung đề thi gồm: 03 câu (03 Module)

Câu hỏi được biên soạn trong phạm vi module kiến thức quy định theo dạng thức đề thi của môn thi (bảng dưới). Các câu hỏi yêu cầu về khối lượng kiến thức, kỹ năng, thời lượng làm bài tương ứng với điểm số quy định đối với câu hỏi. Đề thi kèm theo thang điểm, đáp án và phiếu chấm bài thi.

3. Hình thức thi: Tự luận; Đề thi không sử dụng tài liệu.

4. Thời gian làm bài: 180 phút.

5. Thang điểm mười (10), điểm ý lẻ của câu không lớn hơn 0,5 điểm.

II. Tiêu chí đánh giá

1. Tiêu chí chung:

Đề thi hướng tới đánh giá năng lực người học thông qua các câu hỏi mở có tính thảo luận, phù hợp với chương trình đào tạo liên ngành, liên lĩnh vực, có đối tượng tuyển sinh tốt nghiệp đại học từ nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau.

2. Tiêu chí cụ thể:

- Đánh giá được nhận thức cơ bản của thí sinh về các vấn đề liên quan tới nội dung của môn thi Quản lý học đại cương.

- Đánh giá được động cơ học tập và nghiên cứu của thí sinh về Quản lý học đại cương; kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn công việc.

- Đánh giá được năng lực cần thiết để thí sinh tham gia học chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng chuyên ngành Quản lý công.

- Cho thấy được tư duy logic phù hợp trong việc sử dụng các lập luận bằng ngôn ngữ, kỹ năng trình bày diễn đạt vấn đề.

- Nhận diện được khả năng thể hiện tư duy liên ngành, liên lĩnh vực trong việc tiếp cận các vấn đề lý luận và thực tiễn.

III. Các nội dung kiến thức

Module của đề thi	Phạm vi và nội dung kiến thức của câu hỏi	Điểm
Module 1		
Nội dung 1	Khái niệm, yếu tố cấu thành, đặc điểm, nhiệm vụ, vai trò của quản lý	3- 4
Nội dung 2	Các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động quản lý (yếu tố môi trường bên trong và yếu tố môi trường bên ngoài tổ chức)	3- 4
Nội dung 3	Các yêu cầu về năng lực, phẩm chất đối với nhà quản lý	3- 4
Nội dung 4	Các nguyên tắc quản lý, các phương pháp quản lý (trọng tâm là phương pháp giáo dục, thuyết phục; phương pháp hành chính, phương pháp tổ chức, phương pháp kinh tế)	3- 4
Module 2		
Nội dung 1	Nội dung tư tưởng Đức trị của Khổng Tử	3- 4
Nội dung 2	Nội dung tư tưởng Pháp trị của Hàn Phi Tử	3- 4
Nội dung 3	Nội dung thuyết quản lý khoa học của W.Taylor	3- 4
Nội dung 4	Nội dung thuyết quản lý hành chính của H.Fayol	3- 4
Module 3		
Nội dung 1	Khái niệm, sự cần thiết, vai trò của chức năng lập kế hoạch, quy trình lập kế hoạch	3-4
Nội dung 2	Khái niệm, vai trò, nội dung chức năng tổ chức	3-4
Nội dung 3	Khái niệm, vai trò chức năng kiểm tra	3-4
Nội dung 4	Khái niệm, đặc điểm của quyết định quản lý	3-4
Nội dung 5	Vai trò của quyết định quản lý	3-4
Nội dung 6	Các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định quản lý	3-4
Nội dung 7	Các yêu cầu đối với quyết định quản lý	3-4

IV. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hữu Hải (2014), *Quản lý học đại cương*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Phạm Ngọc Thanh (2019), *Giáo trình khoa học quản lý đại cương*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
3. Koontz, Harold/Odonnell, Cyril/Weihrich, Heinz (1994), *Những vấn đề cốt yếu của quản lý*, Nxb. Khoa học và kỹ thuật.
4. Bùi Hữu Đức (2013), *Khoa học quản lý*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
5. Viện Nghiên cứu và Đào tạo về quản lý (2006), *Hành chính công và quản lý hiệu quả chính phủ* Nxb. Lao động xã hội, Hà Nội.
6. Viện Nghiên cứu và Đào tạo về quản lý (2003), *Tinh hoa quản lý – 25 tác giả và tác phẩm nổi tiếng nhất về quản lý trong thế kỷ XX*, Nxb. Lao động xã hội, Hà Nội.
7. Hồ Văn Vĩnh (2003), *Một số vấn đề về tư tưởng quản lý*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

PHỤ LỤC 01B

*(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-ĐHNV ngày / /2021
của Trường Đại học Nội vụ Hà Nội)*

ĐỀ CƯƠNG ÔN THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG Môn thi: Quản lý học đại cương

I. Mục đích và yêu cầu:

1. Mục đích

Đề cương ôn thi nhằm hệ thống những vấn đề trọng tâm thí sinh cần ôn tập: lý thuyết, kiến thức về nhiệm vụ, vai trò của quản lý, các yếu tố tác động, ảnh hưởng tới hoạt động quản lý, nắm vững được nguyên tắc và phương pháp quản lý; nhiệm vụ, vai trò, các yêu cầu đối với nhà quản lý; các chức năng quản lý, quyết định quản lý.

2. Yêu cầu

Học viên tập trung ôn tập đúng trọng tâm, đúng theo hệ thống giáo trình, tài liệu trong danh mục tài liệu tham khảo. Vận dụng lý thuyết trong thực tiễn để lấy ví dụ, chứng minh cho các luận cứ, luận điểm lý thuyết.

II. Nội dung đề cương ôn thi:

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ VÀ NHÀ QUẢN LÝ

1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò và chức năng quản lý

1.1.1. Khái niệm quản lý

1.1.2. Đặc điểm của quản lý

1.1.3. Vai trò của quản lý

1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý

1.2.1. Các yếu tố môi trường bên ngoài tổ chức

1.2.2. Các yếu tố môi trường bên trong tổ chức

1.3. Nguyên tắc và phương pháp quản lý

1.3.1. Nguyên tắc quản lý

1.3.2. Phương pháp quản lý

1.4. Những vấn đề cơ bản về nhà quản lý

1.4.1. Khái niệm, vai trò và yêu cầu đối với nhà quản lý

1.4.2. Các cấp độ nhà quản lý

Chương 2

TỔNG QUAN CÁC TƯ TƯỞNG VÀ LÝ THUYẾT QUẢN LÝ

2.1. Các tư tưởng quản lý tiêu biểu

2.1.1. Các tư tưởng quản lý ở phương Đông

2.1.2. Các tư tưởng quản lý ở phương Tây

2.2. Các lý thuyết quản lý

2.2.1. Lý thuyết quản lý theo khoa học

2.2.2. Lý thuyết quản lý hành chính

Chương 3

CÁC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ

3.1. Chức năng lập kế hoạch

3.1.1. Khái niệm, vai trò của lập kế hoạch

3.1.2. Vai trò của lập kế hoạch

3.1.4. Quy trình lập kế hoạch

3.2. Chức năng tổ chức

3.2.1. Khái niệm, vai trò chức năng tổ chức

3.2.2. Nội dung của chức năng tổ chức

3.2.4. Các mô hình cơ cấu tổ chức cơ bản

3.3. Chức năng nhân sự

3.3.1. Khái niệm, vai trò chức năng nhân sự

3.3.2. Nội dung cơ bản của chức năng nhân sự

3.4. Chức năng lãnh đạo

3.4.1. Khái niệm, vai trò chức năng lãnh đạo

3.4.2. Các phong cách lãnh đạo

3.5. Chức năng kiểm soát

3.5.1. Khái niệm, vai trò kiểm soát

3.5.2. Các hình thức kiểm soát

3.5.3. Các yêu cầu đối với kiểm soát

Chương 4

QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ

4.1. Khái niệm, vai trò, yêu cầu đối với quyết định quản lý

4.1.1. Khái niệm quyết định quản lý

4.1.2. Vai trò của quyết định quản lý

4.1.3. Phân loại quyết định quản lý

4.1.4. Yêu cầu đối với quyết định quản lý

4.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới việc ra quyết định quản lý

4.2.1. Các yếu tố chủ quan

4.2.2. Các yếu tố khách quan

4.3. Ra quyết định quản lý

4.3.1. Quy trình ra quyết định quản lý

4.3.2. Các mô hình ra quyết định quản lý

III. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hữu Hải (2014), *Quản lý học đại cương*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2. Phạm Ngọc Thanh (2019), *Giáo trình khoa học quản lý đại cương*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

3. Koontz, Harold/Odonnell, Cyril/Weihrich, Heinz (1994), *Những vấn đề cốt yếu của quản lý*, Nxb. Khoa học và kỹ thuật.

4. Bùi Hữu Đức (2013), *Khoa học quản lý*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

5. Viện Nghiên cứu và Đào tạo về quản lý (2006), *Hành chính công và quản lý hiệu quả chính phủ* Nxb. Lao động xã hội, Hà Nội.

6. Viện Nghiên cứu và Đào tạo về quản lý (2003), *Tinh hoa quản lý – 25 tác giả và tác phẩm nổi tiếng nhất về quản lý trong thế kỷ XX*, Nxb. Lao động xã hội, Hà Nội.

7. Hồ Văn Vĩnh (2003), *Một số vấn đề về tư tưởng quản lý*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

PHỤ LỤC 02A

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-ĐHNV ngày / /2021
của Trường Đại học Nội vụ Hà Nội)

DẠNG THỨC ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG Môn thi: Lý luận chung về hành chính nhà nước

I. Thông tin chung:

1. Dạng thức đề thi được sử dụng để triển khai tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng chuyên ngành: Quản lý công

2. Nội dung đề thi gồm: 03 câu (03 module)

Câu hỏi được biên soạn trong phạm vi module kiến thức quy định theo dạng thức đề thi của môn thi (bảng dưới). Các câu hỏi yêu cầu về khối lượng kiến thức, kỹ năng, thời lượng làm bài tương ứng với điểm số quy định đối với câu hỏi. Đề thi kèm theo thang điểm, đáp án và phiếu chấm bài thi.

3. Hình thức thi: Tự luận; Thí sinh không được sử dụng tài liệu.

4. Thời gian làm bài: 180 phút

5. Thang điểm mười (10), điểm ý lẻ của câu không lớn hơn 0,5 điểm.

II. Tiêu chí đánh giá

1. Tiêu chí chung:

Đề thi hướng tới đánh giá năng lực người học thông qua các câu hỏi mở có tính thảo luận, phù hợp với chương trình đào tạo liên ngành, liên lĩnh vực, có đối tượng tuyển sinh tốt nghiệp đại học từ nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau.

2. Tiêu chí cụ thể:

- Đánh giá được nhận thức cơ bản của thí sinh về các vấn đề liên quan tới nội dung của môn thi Lý luận chung về hành chính nhà nước.

- Đánh giá được động cơ học tập và nghiên cứu của thí sinh về Lý luận chung về hành chính nhà nước; kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn công việc.

- Đánh giá được năng lực cần thiết để thí sinh tham gia học chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng.

- Cho thấy được tư duy logic phù hợp trong việc sử dụng các lập luận bằng ngôn ngữ, kỹ năng trình bày diễn đạt vấn đề.

- Nhận diện được khả năng thể hiện tư duy liên ngành, liên lĩnh vực trong việc tiếp cận các vấn đề lý luận và thực tiễn.

III. Các nội dung kiến thức

Module của đề thi	Phạm vi và nội dung kiến thức của câu hỏi	Điểm
Module 1		
Nội dung 1	Khái niệm và đặc điểm của hành chính nhà nước	3-4
Nội dung 2	Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hành chính nhà nước	3-4
Nội dung 3	Khái niệm nền hành chính nhà nước, các yếu tố cấu thành nền hành chính nhà nước	3-4
Nội dung 4	Chức năng quản lý nội bộ nền hành chính nhà nước	3-4
Nội dung 5	Chức năng quản lý xã hội của hành chính nhà nước	3-4
Nội dung 6	Phương pháp hành chính nhà nước	3-4
Module 2		
Nội dung 1	Khái niệm, các yếu tố ảnh hưởng tới việc ban hành và thực hiện quyết định hành chính nhà nước	3-4
Nội dung 2	Các yêu cầu đối với quyết định hành chính nhà nước	3-4
Nội dung 3	Khái niệm kiểm soát đối với hành chính nhà nước, vai trò của kiểm soát đối với hành chính nhà nước	3-4
Nội dung 4	Kiểm soát bên ngoài đối với hành chính nhà nước <i>(chỉ chọn một trong số các chủ thể: Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Đảng, các tổ chức chính trị- xã hội, công dân cho mỗi câu hỏi)</i>	3-4
Nội dung 5	Kiểm soát nội bộ đối với hành chính nhà nước	3-4
Module 3		
Nội dung 1	Khái niệm, vai trò của cải cách hành chính nhà nước	3-4
Nội dung 2	Các xu hướng cải cách hành chính trên thế giới	3-4
Nội dung 3	Sự cần thiết khách quan phải cải cách hành chính ở Việt Nam	3-4
Nội dung 4	Tiến trình cải cách hành chính ở Việt Nam	3-4
Nội dung 5	Những nội dung chủ yếu của cải cách hành chính nhà nước ở Việt Nam	3-4

IV. Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ (2011), *Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011*, ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020.
2. Đoàn Trọng Truyền (1997), *Hành chính học đại cương*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Học viện Hành chính Quốc gia (2007), *Giáo trình Hành chính công (dùng cho đào tạo Đại học hành chính)*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
4. Học viện Hành chính (2010), *Lý luận hành chính nhà nước*, Tài liệu lưu hành nội bộ.
5. Quốc hội (2010), *Luật Thanh tra*.
6. Quốc hội (2013), *Hiến pháp*.
7. Quốc hội (2015), *Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và hội đồng nhân dân*.
8. Viện Nghiên cứu và Đào tạo về quản lý (2005). *Hành chính công và quản lý hiệu quả chính phủ*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.

PHỤ LỤC 02B

*(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-ĐHNV ngày / /2021
của Trường Đại học Nội vụ Hà Nội)*

ĐỀ CƯƠNG ÔN THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG Môn thi: Lý luận chung về hành chính nhà nước

I. Mục đích và yêu cầu:

1. Mục đích: Giúp định hướng kiến thức ôn thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng chuyên ngành Quản lý công tại Trường Đại học Nội vụ Hà Nội năm 2021.

2. Yêu cầu: Nội dung đề cương có độ phủ toàn bộ kiến thức cơ bản theo đề cương học phần Lý luận chung về Hành chính nhà nước đang được giảng dạy cho bậc đại học tại Trường Đại học Nội vụ Hà Nội.

II. Nội dung đề cương ôn thi:

CHƯƠNG 1

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

1.1. Quản lý và quản lý nhà nước

1.1.1. Quản lý

1.1.2. Quản lý nhà nước

1.2. Hành chính nhà nước

1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của hành chính nhà nước

1.2.2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hành chính nhà nước

1.3. Nền hành chính nhà nước

1.3.1. Khái niệm nền hành chính nhà nước

1.3.2. Các yếu tố cấu thành nền hành chính nhà nước

CHƯƠNG 2

CHỨC NĂNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

2.1. Khái niệm và phân loại chức năng hành chính nhà nước

2.1.1. Khái niệm chức năng hành chính nhà nước

2.1.2. Phân loại chức năng hành chính nhà nước

2.2. Chức năng quản lý nội bộ nền hành chính nhà nước

2.2.1. Chức năng lập kế hoạch

2.2.2. Chức năng thiết kế tổ chức

2.2.3. Chức năng nhân sự

2.2.4. Chức năng quản lý tài chính công

2.2.5. Chức năng kiểm soát nội bộ

2.3. Chức năng quản lý xã hội của hành chính nhà nước

- 2.3.1. Chức năng duy trì trật tự xã hội
- 2.3.2. Chức năng bảo đảm và cung cấp dịch vụ công

2.4. Hình thức và phương pháp thực hiện chức năng hành chính nhà nước

- 2.4.1. Các hình thức hành chính nhà nước
- 2.4.2. Các phương pháp hành chính nhà nước

CHƯƠNG 3

QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

3.1. Quyết định và quyết định hành chính nhà nước

- 3.1.1. Quyết định và quyết định quản lý
- 3.1.2. Quyết định hành chính nhà nước
- 3.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới việc ban hành và thực hiện quyết định hành chính nhà nước

3.2. Các yêu cầu đối với quyết định hành chính nhà nước

- 3.2.1. Yêu cầu hợp pháp
- 3.2.2. Yêu cầu hợp lý

3.3. Quyền phản kháng các quyết định quản lý hành chính nhà nước

- 3.3.1. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước đối với quyết định quản lý hành chính nhà nước
- 3.3.2. Cách thức xử lý các quyết định bất hợp pháp
- 3.3.3. Các hình thức phản kháng các quyết định bất hợp pháp

3.4. Ban hành và thực thi quyết định hành chính nhà nước

- 3.4.1. Ban hành quyết định hành chính nhà nước
- 3.4.2. Thực thi quyết định hành chính nhà nước

CHƯƠNG 4

KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

4.1. Sự cần thiết phải kiểm soát đối với hành chính nhà nước

- 4.1.1. Khái niệm kiểm soát đối với hành chính nhà nước
- 4.1.2. Vai trò của kiểm soát đối với hành chính nhà nước
- 4.1.3. Nội dung và hình thức kiểm soát đối với hành chính nhà nước

4.2. Kiểm soát bên ngoài đối với hành chính nhà nước

- 4.2.1. Giám sát của Quốc hội
- 4.2.2. Giám sát của Hội đồng nhân dân
- 4.2.3. Giám sát của Đảng
- 4.2.4. Giám sát của các tổ chức chính trị- xã hội

- 4.2.5. Giám sát của công dân
- 4.2.6. Giám sát của công luận
- 4.2.7. Kiểm toán nhà nước

4.3. Kiểm soát nội bộ đối với hành chính nhà nước

- 4.3.1. Thanh tra
- 4.3.2. Kiểm tra

CHƯƠNG 5

CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

5.1. Lý luận chung về cải cách hành chính nhà nước

- 5.1.1. Khái niệm cải cách hành chính nhà nước
- 5.1.2. Vai trò của cải cách hành chính nhà nước
- 5.1.3. Một số mô hình hành chính nhà nước theo tiến trình cải cách
- 5.1.4. Các xu hướng cải cách hành chính trên thế giới

5.2. Cải cách hành chính nhà nước ở Việt Nam

- 5.2.1. Sự cần thiết khách quan phải cải cách hành chính ở Việt Nam
- 5.2.2. Tiến trình cải cách hành chính ở Việt Nam
- 5.2.3. Những nội dung chủ yếu của cải cách hành chính nhà nước ở Việt Nam

III. Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ (2011), *Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011*, ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020.
2. Đoàn Trọng Truyền (1997), *Hành chính học đại cương*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Học viện Hành chính Quốc gia (2007), *Giáo trình Hành chính công (dùng cho đào tạo Đại học hành chính)*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
4. Học viện Hành chính (2010), *Lý luận hành chính nhà nước*, Tài liệu lưu hành nội bộ.
5. Quốc hội, 2010, *Luật Thanh tra*.
6. Quốc hội (2013), *Hiến pháp*.
7. Quốc hội (2015), *Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và hội đồng nhân dân*.
8. Viện Nghiên cứu và Đào tạo về quản lý (2005), *Hành chính công và quản lý hiệu quả chính phủ*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.

PHỤ LỤC 03A

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-ĐHNV ngày / /2021
của Trường Đại học Nội vụ Hà Nội)

DẠNG THỨC ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG CHUYÊN NGÀNH LUẬT HIẾN PHÁP VÀ LUẬT HÀNH CHÍNH **Môn thi: Lý luận về nhà nước và pháp luật**

I. Thông tin chung:

1. Dạng thức đề thi được sử dụng để triển khai tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng chuyên ngành Luật hiến pháp và luật hành chính.

2. Nội dung đề thi gồm:

Câu hỏi được biên soạn trong phạm vi 06 module kiến thức quy định theo dạng thức đề thi của môn thi (có nội dung cụ thể trong bảng thuộc mục III). Các câu hỏi yêu cầu về khối lượng kiến thức, kỹ năng, thời lượng làm bài tương ứng với điểm số quy định đối với câu hỏi. Đề thi kèm theo thang điểm, đáp án và phiếu chấm bài thi.

3. Hình thức thi: Tự luận; Thí sinh không được sử dụng tài liệu.

4. Thời gian làm bài: 180 phút.

5. Thang điểm mười (10).

II. Tiêu chí đánh giá

1. Tiêu chí chung:

Đề thi hướng tới đánh giá năng lực của người học về hệ thống kiến thức lý luận nền tảng và chuyên sâu về nhà nước và pháp luật; đánh giá khả năng cập nhật và ứng dụng những vấn đề lý luận vào thực tiễn pháp lý của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước.

- Đề thi phù hợp với chương trình đào tạo có đối tượng tuyển sinh tốt nghiệp đại học từ ngành đúng/ ngành phù hợp; gần ngành.

2. Tiêu chí cụ thể:

- Đánh giá kiến thức của thí sinh về các nội dung của môn thi Lý luận về nhà nước và pháp luật.

- Đánh giá tư duy liên ngành, liên lĩnh vực trong việc tiếp cận các vấn đề lý luận và thực tiễn.

- Đánh giá động cơ học tập và nghiên cứu của thí sinh về Lý luận về nhà nước và pháp luật.

- Đánh giá tư duy logic phù hợp trong việc sử dụng lập luận bằng ngôn ngữ, kỹ năng trình bày diễn đạt vấn đề.

III. Các nội dung kiến thức

Module của đề thi	Phạm vi và nội dung kiến thức của câu hỏi	Điểm
Module 1	<ul style="list-style-type: none">- Bản chất, chức năng của nhà nước, hình thức nhà nước.- Bản chất, chức năng, hình thức nhà nước của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.- Vị trí, vai trò của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	
Module 2	<ul style="list-style-type: none">- Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.- Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.- Địa vị pháp lý của các cơ quan Nhà nước trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	
Module 3	<ul style="list-style-type: none">- Giá trị cơ bản của Nhà nước pháp quyền.- Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.- Xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng yêu cầu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021 - 2030).	
Module 4	<ul style="list-style-type: none">- Bản chất, vai trò của pháp luật.- Nguồn của pháp luật.- Quan hệ giữa pháp luật với các công cụ khác trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội.- Hệ thống pháp luật Việt Nam.	
Module 5	<ul style="list-style-type: none">- Thực hiện pháp luật - Ý thức pháp luật.- Vi phạm pháp luật - Trách nhiệm pháp lý.	

IV. Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Luật Hà Nội (2021), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.
2. Khoa luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2018), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà nội, Hà Nội.
3. Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật:
 - Hiến pháp 2013.
 - Luật Tổ chức Quốc hội 2014.
 - Luật Tổ chức Chính phủ 2015.
 - Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015.
 - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương (Luật số 47/2019/QH14).
 - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội (Luật số 65/2020/QH14).
 - Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).
4. Các sách chuyên khảo, bài viết khoa học có liên quan đến nội dung ôn tập.

PHỤ LỤC 03B

*(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-ĐHNV ngày / /2021
của Trường Đại học Nội vụ Hà Nội)*

ĐỀ CƯƠNG ÔN THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG CHUYÊN NGÀNH LUẬT HIẾN PHÁP VÀ LUẬT HÀNH CHÍNH Môn thi: Lý luận về nhà nước và pháp luật

I. Mục đích và yêu cầu:

1. Mục đích:

Đề cương hệ thống, củng cố khối kiến thức lý luận cơ bản, nâng cao về những vấn đề lý luận chung về nhà nước và pháp luật; tổng hợp hệ thống khái niệm, nội dung vấn đề nghiên cứu, định hướng phát triển tư duy vận dụng kiến thức lý luận vào liên hệ thực tiễn; tạo cơ sở cho người học hiểu, vận dụng, phân tích được kiến thức và dần hình thành tư duy sáng tạo khi giải quyết vấn đề pháp lý có liên quan.

2. Yêu cầu

Trên cơ sở nghiên cứu hệ thống kiến thức trong đề cương, người học phải:

+ Hiểu và phân tích được bản chất chung của nhà nước, bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành; xác định được vị trí, vai trò của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa Việt Nam; yêu cầu trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021 - 2030) đã được thông qua tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Hiểu và phân tích được hình thức nhà nước, hình thức Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

+ Hiểu và đánh giá được cách thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước; địa vị pháp lý của các cơ quan nhà nước trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Hiểu và phân tích được các hiện tượng pháp lý trong mối quan hệ mật thiết giữa thực hiện pháp luật, ý thức pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý.

+ Vận dụng được những kiến thức lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật để đánh giá, liên hệ thực tiễn, kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.

II. Nội dung đề cương ôn thi:

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC

1.1. Nguồn gốc, bản chất nhà nước

1.1.1. Nguồn gốc

1.1.2. Bản chất

1.1.2.1. Bản chất giai cấp

1.1.2.2. Bản chất xã hội

1.2. Chức năng của nhà nước

1.2.1. Khái niệm

1.2.2. Phân loại

1.3. Kiểu và hình thức nhà nước

1.3.1. Kiểu nhà nước

1.3.2. Hình thức nhà nước

1.3.2.1. Hình thức chính thể

1.3.2.2. Hình thức cấu trúc

1.3.2.3. Chế độ chính trị

CHƯƠNG 2

NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

2.1. Bản chất, đặc trưng cơ bản của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất

2.1.2. Các đặc trưng cơ bản

2.2. Chức năng và hình thức Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.1. Chức năng

2.2.2. Hình thức nhà nước

2.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.3.1. Khái niệm

2.3.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

2.3.2.1. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân

2.3.2.2. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp

2.3.2.3. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đối với tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước

2.3.2.4. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật

2.3.2.5. Tập trung dân chủ

2.3.2.6. Bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc

2.3.3. Địa vị pháp lý của các cơ quan nhà nước

2.3.3.1. Quốc hội

2.3.3.2. Chủ tịch nước

2.3.3.3. Chính phủ

2.3.3.4. Tòa án nhân dân

2.3.3.5. Viện Kiểm sát nhân dân

2.3.3.6. Hội đồng bầu cử quốc gia

2.3.3.7. Kiểm toán nhà nước

2.3.3.8. Chính quyền địa phương

2.4. Xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay

2.4.1. Đặc trưng và giá trị cơ bản của Nhà nước pháp quyền

2.4.2. Các yêu cầu cơ bản trong xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay

2.4.2.1. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật hiệu quả

2.4.2.2. Nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật, xây dựng văn hóa pháp lý

2.4.2.3. Đổi mới quan hệ giữa Nhà nước và công dân

2.4.2.4. Đổi mới toàn diện, đồng bộ tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước

2.4.2.5. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

CHƯƠNG 3

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT

3.1. Nguồn gốc, bản chất của pháp luật

3.1.1. Nguồn gốc

3.1.2. Bản chất

3.2. Vai trò của pháp luật

3.2.1. Vai trò của pháp luật đối với xã hội

3.2.1.1. Điều tiết và định hướng sự phát triển của các quan hệ xã hội

3.2.1.2. Định hướng nhận thức, tư tưởng hành vi của các thành viên trong xã hội

3.2.1.3. Là cơ sở để bảo đảm an toàn xã hội

3.2.1.4. Là cơ sở để giải quyết các tranh chấp trong xã hội

3.2.1.5. Là phương tiện bảo đảm và bảo vệ quyền con người

3.2.1.6. Là phương tiện bảo đảm dân chủ, công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội

3.2.1.7. Bảo đảm sự phát triển bền vững của xã hội

3.2.2. Vai trò của pháp luật đối với Nhà nước

- 3.2.2.1. Là cơ sở pháp lý vững chắc cho sự tồn tại của Nhà nước
- 3.2.2.2. Là công cụ bảo vệ Nhà nước
- 3.2.2.3. Là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước
- 3.2.2.4. Là công cụ để xây dựng nguồn nhân lực trong bộ máy nhà nước
- 3.2.2.5. Là công cụ để Nhà nước tổ chức và quản lý mọi mặt của đời sống xã hội
- 3.2.2.6. Là công cụ để kiểm soát quyền lực nhà nước

3.3. Nguồn của pháp luật

3.3.1. Khái niệm

3.3.2. Các loại nguồn của pháp luật

- 3.3.2.1. Tập quán pháp
- 3.3.2.2. Tiền lệ pháp
- 3.3.2.3. Văn bản quy phạm pháp luật
- 3.3.2.4. Các loại nguồn khác

3.4. Quan hệ giữa pháp luật với các công cụ khác trong hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội

- 3.4.1. Quan hệ giữa pháp luật và đạo đức
- 3.4.2. Quan hệ giữa pháp luật và phong tục tập quán, luật tục
- 3.4.3. Quan hệ giữa pháp luật và hương ước
- 3.4.4. Quan hệ giữa pháp luật và tín điều tôn giáo

CHƯƠNG 4 HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

4.1. Khái quát chung về hệ thống pháp luật

4.1.1. Khái niệm, đặc điểm

- 4.1.1.1. Khái niệm
- 4.1.1.2. Đặc điểm

4.1.2. Cấu trúc của hệ thống pháp luật

- 4.1.2.1. Cấu trúc bên trong
- 4.1.2.2. Hình thức bên ngoài

4.1.3. Một số hệ thống pháp luật trên thế giới

- 4.1.3.1. Hệ thống pháp luật Châu Âu lục địa
- 4.1.3.2. Hệ thống pháp luật Anh Mỹ
- 4.1.3.3. Hệ thống pháp luật Hồi giáo
- 4.1.3.4. Hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa

4.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay

4.2.1. Cấu trúc của hệ thống pháp luật Việt Nam

4.2.2. Tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật ở Việt Nam

4.2.2.1. Tính toàn diện

4.2.2.2. Tính thống nhất và đồng bộ

4.2.2.3. Tính phù hợp và khả thi

4.2.2.4. Ngôn ngữ và kỹ thuật xây dựng pháp luật

4.2.2.5. Tính hiệu quả

4.2.3. Định hướng và các giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật ở Việt Nam hiện nay

4.2.3.1. Định hướng

4.2.3.2. Giải pháp hoàn thiện

CHƯƠNG 5

THỰC HIỆN PHÁP LUẬT - Ý THỨC PHÁP LUẬT

5.1. Thực hiện pháp luật

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Các hình thức thực hiện pháp luật

5.1.2.1. Tuân thủ pháp luật

5.1.2.2. Thi hành pháp luật

5.1.2.3. Sử dụng pháp luật

5.1.2.4. Áp dụng pháp luật

5.2. Ý thức pháp luật

5.2.1. Khái niệm

5.2.2. Cấu trúc của ý thức pháp luật

5.2.2.1. Tư tưởng pháp luật

5.2.2.2. Tâm lý pháp luật

5.2.3. Vai trò của ý thức pháp luật

5.2.3.1. Đối với hoạt động xây dựng pháp luật

5.2.3.2. Đối với hoạt động thực hiện pháp luật

5.2.3.3. Đối với hoạt động áp dụng pháp luật

5.2.3.4. Đối với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền

5.2.3.5. Đối với sự phát triển nền kinh tế thị trường, hội nhập và toàn cầu hóa

5.2.4. Mối quan hệ giữa ý thức pháp luật với pháp luật, văn hóa pháp lý

5.2.4.1. Mối quan hệ giữa pháp luật với ý thức pháp luật

5.2.4.2. Mối quan hệ giữa ý thức pháp luật với văn hóa pháp lý

CHƯƠNG 6

VI PHẠM PHÁP LUẬT - TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

6.1. Vi phạm pháp luật

6.1.1. Khái niệm

6.1.2. Các dấu hiệu cơ bản của vi phạm pháp luật

6.1.2.1. Hành vi trái pháp luật

6.1.2.2. Chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý

6.1.2.3. Hành vi chứa đựng lỗi

6.1.3. Phân loại vi phạm pháp luật

6.1.3.1. Vi phạm pháp luật hình sự

6.1.3.2. Vi phạm pháp luật hành chính

6.1.3.3. Vi phạm pháp luật dân sự

6.1.3.4. Vi phạm kỷ luật

6.2. Trách nhiệm pháp lý

6.2.1. Khái niệm

6.2.2. Các loại trách nhiệm pháp lý

6.2.2.1. Trách nhiệm pháp lý hình sự

6.2.2.2. Trách nhiệm pháp lý hành chính

6.2.2.3. Trách nhiệm pháp lý dân sự

6.2.2.4. Trách nhiệm kỷ luật

III. Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Luật Hà Nội (2021), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.
2. Khoa luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2018), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà nội, Hà Nội.
3. Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật:
 - Hiến pháp 2013.
 - Luật Tổ chức Quốc hội 2014.
 - Luật Tổ chức Chính phủ 2015.
 - Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015.
 - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương (Luật số 47/2019/QH14).
 - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội (Luật số 65/2020/QH14).
 - Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).
4. Các sách chuyên khảo, bài viết khoa học có liên quan đến nội dung ôn tập.

PHỤ LỤC 04A

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-ĐHNV ngày / /2021
của Trường Đại học Nội vụ Hà Nội)

DẠNG THỨC ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG CHUYÊN NGÀNH LUẬT HIẾN PHÁP VÀ LUẬT HÀNH CHÍNH Môn thi: Luật Hiến pháp Việt Nam

I. Thông tin chung:

1. Dạng thức đề thi được sử dụng để triển khai tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng chuyên ngành Luật hiến pháp và luật hành chính.

2. Nội dung đề thi gồm:

Câu hỏi được biên soạn trong phạm vi 06 module kiến thức quy định theo dạng thức đề thi của môn thi (có nội dung cụ thể trong bảng thuộc mục III). Các câu hỏi yêu cầu về khối lượng kiến thức, kỹ năng, thời lượng làm bài tương ứng với điểm số quy định đối với câu hỏi. Đề thi kèm theo thang điểm, đáp án và phiếu chấm bài thi.

3. Hình thức thi: Tự luận; Thí sinh không được sử dụng tài liệu.

4. Thời gian làm bài: 180 phút.

5. Thang điểm mười (10).

II. Tiêu chí đánh giá

1. Tiêu chí chung:

- Đề thi hướng tới đánh giá năng lực của người học về hệ thống kiến thức lý luận nền tảng và chuyên sâu ở một số nội dung cơ bản của Luật Hiến pháp như: chế độ chính trị; hình thức nhà nước, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; chế độ kinh tế; chính sách xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường; bộ máy nhà nước; chế độ bầu cử.

- Đề thi hướng tới việc đánh giá khả năng cập nhật và ứng dụng những vấn đề lý luận vào thực tiễn pháp lý của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước.

- Đề thi phù hợp với chương trình đào tạo có đối tượng tuyển sinh tốt nghiệp đại học từ ngành đúng/ ngành phù hợp; gần ngành.

2. Tiêu chí cụ thể:

- Đánh giá được nhận thức cơ bản của thí sinh về các vấn đề liên quan tới nội dung của môn thi Luật Hiến pháp Việt Nam.

- Đánh giá được kỹ năng của thí sinh khi vận dụng kiến thức vào thực tiễn công việc.

- Đánh giá được năng lực cần thiết để thí sinh tham gia học chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng.

- Đánh giá tư duy logic phù hợp trong việc sử dụng các lập luận bằng ngôn ngữ, kỹ năng trình bày, diễn đạt vấn đề.

- Nhận diện được khả năng thể hiện tư duy liên ngành, liên lĩnh vực trong việc tiếp cận các vấn đề lý luận và thực tiễn.

III. Các nội dung kiến thức

Module của đề thi	Phạm vi và nội dung kiến thức của câu hỏi	Điểm
Module 1	- Khái niệm và các đặc trưng cơ bản của Hiến pháp. - Vai trò của Hiến pháp trong nhà nước pháp quyền.	
Module 2	- Hình thức nhà nước. - Hình thức Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam qua các bản Hiến pháp: 1946, 1959, 1980, 1992 và 2013.	
Module 3	- Bản chất Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Hệ thống chính trị của Nhà nước CHXHCN Việt Nam (khái niệm và vị trí của các thiết chế trong hệ thống chính trị).	
Module 4	- Khái niệm và các đặc trưng của quyền con người. - Quyền con người trong Hiến pháp năm 2013. - Mối quan hệ giữa Hiến pháp và quyền con người.	
Module 5	- Sự phát triển của bộ máy nhà nước Việt Nam qua các bản Hiến pháp 1946, 1959, 1980, 1992 và 2013. - Một số chế định cơ bản của bộ máy nhà nước (Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân ...). - Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam.	
Module 6	- Khái niệm và ý nghĩa của chế độ bầu cử. - Nguyên tắc bầu cử.	

IV. Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.

2. Khoa luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2014), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

3. Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật:

- Hiến pháp các năm: 1946, 1959, 1980, 1992, 2013.

- Luật Tổ chức Quốc hội 2014.

- Luật Tổ chức Chính phủ 2015.

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015.

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương (Luật số 47/2019/QH14).

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội (Luật số 65/2020/QH14).

4. Các sách chuyên khảo, bài viết khoa học có liên quan đến nội dung ôn tập.

PHỤ LỤC 04B

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-ĐHNV ngày / /2021
của Trường Đại học Nội vụ Hà Nội)

ĐỀ CƯƠNG ÔN THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG CHUYÊN NGÀNH LUẬT HIẾN PHÁP VÀ LUẬT HÀNH CHÍNH Môn thi: Luật Hiến pháp Việt Nam

I. Mục đích và yêu cầu:

1. Mục đích:

Đề cương hệ thống nhóm kiến thức lý luận nền tảng và chuyên sâu ở một số nội dung cơ bản của Luật Hiến pháp như: chế độ chính trị; hình thức nhà nước, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; chế độ kinh tế; chính sách xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường; bộ máy nhà nước; chế độ bầu cử. Trên cơ sở nắm vững hệ thống kiến thức này, người học có thể đáp ứng yêu cầu để tiếp tục nghiên cứu các học phần thuộc nhóm kiến thức khoa học pháp lý được kết cấu trong chương trình thạc sĩ.

2. Yêu cầu

Trên cơ sở nghiên cứu hệ thống kiến thức trong đề cương, người học phải:

+ Hiểu và phân tích được vai trò và các đặc trưng cơ bản của hiến pháp; các vấn đề lý luận cơ bản về hình thức, bản chất nhà nước nói chung và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng; xác định được vị trí, vai trò của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong hệ thống chính trị; những yêu cầu trong xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay; sự phát triển của Bộ máy nhà nước Việt Nam qua các bản Hiến pháp; các nguyên tắc trong tổ chức và hoạt động của Bộ máy nhà nước Việt Nam.

+ Hiểu và phân tích được mối quan hệ giữa bản chất nhà nước với hình thức nhà nước và tổ chức bộ máy nhà nước. Phân tích được mối quan hệ này qua sự phát triển của Bộ máy nhà nước Việt Nam trong các bản Hiến pháp Việt Nam.

+ Hiểu và lý giải được vai trò của nhà nước trong bảo vệ và bảo đảm quyền con người trong mối quan hệ với xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam.

+ Phân tích được ý nghĩa, vai trò của hoạt động bầu cử và nguyên tắc bầu cử trong các bản Hiến pháp Việt Nam.

+ Vận dụng được những kiến thức lý luận cơ bản của học phần để đánh giá và kiến nghị chính sách, pháp luật phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, thực tiễn sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

II. Nội dung đề cương ôn thi:

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ HIẾN PHÁP

1.1. Khái niệm và các đặc trưng cơ bản của Hiến pháp

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Các đặc trưng cơ bản của Hiến pháp

1.2. Vai trò của hiến pháp trong nhà nước pháp quyền

1.2.1. Hiến pháp là bản khế ước xã hội của nhân dân

1.2.2. Hiến pháp là văn bản pháp lí cao nhất qui định việc tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước; Hiến pháp là văn bản kiểm soát quyền lực nhà nước

1.2.3. Hiến pháp là đạo luật tối cao bảo vệ nhân quyền

1.2.4. Hiến pháp là luật cơ bản, có hiệu lực pháp lí cao nhất và là nguồn cho xây dựng pháp luật

CHƯƠNG 2

HÌNH THỨC NHÀ NƯỚC

2.1. Khái niệm

2.2. Các bộ phận cấu thành của hình thức nhà nước

2.2.1. Hình thức chính thể

2.2.2. Hình thức cấu trúc

2.2.3. Chế độ chính trị

2.3. Hình thức Nhà nước CHXHCN Việt Nam qua các bản Hiến pháp

2.3.1. Hiến pháp năm 1946

2.3.2. Hiến pháp năm 1959

2.3.3. Hiến pháp năm 1980

2.3.4. Hiến pháp năm 1992

2.3.5. Hiến pháp năm 2013

CHƯƠNG 3

CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ

3.1. Khái niệm chế độ chính trị

3.2. Vai trò của pháp luật

3.2.1. Chính thể của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

3.2.2. Bản chất nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

3.2.3. Hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (khái niệm và vị trí của các thiết chế trong hệ thống chính trị)

CHƯƠNG 4 QUYỀN CON NGƯỜI

4.1. Khái niệm

4.2. Các đặc trưng cơ bản của quyền con người

- 4.2.1. Tính phổ biến của quyền con người
- 4.2.2. Tính không thể chuyển nhượng
- 4.2.3. Tính không thể phân chia
- 4.2.4. Tính liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau

4.3. Hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay

- 4.3.1. Quyền con người là một trong những nội dung cơ bản của Hiến pháp hiện đại
- 4.3.2. Hiến pháp là công cụ pháp lý cao nhất, thể hiện cam kết pháp lý cao nhất của nhà nước về trách nhiệm và bảo đảm thực hiện quyền con người
- 4.3.3. Hiến pháp là công cụ pháp lý cao nhất để ngăn chặn và kiểm soát sự vi phạm của mọi chủ thể về quyền con người
- 4.3.4. Hiến pháp bảo đảm sự thống nhất của hệ thống pháp luật trong việc bảo vệ quyền con người
- 4.3.5. Hiến pháp là nguồn tham chiếu để giải quyết các vi phạm về quyền con người

4.4. Quyền con người trong Hiến pháp năm 2013

CHƯƠNG 5 BỘ MÁY NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

5.1. Một số khái niệm cơ bản

- 5.1.1. Cơ quan Nhà nước
- 5.1.2. Bộ máy Nhà nước

5.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước

- 5.2.1. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân
- 5.2.2. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam
- 5.2.3. Tập trung dân chủ
- 5.2.4. Pháp chế xã hội chủ nghĩa
- 5.2.5. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp
- 5.2.6. Bình đẳng, đoàn kết và tương trợ giữa các dân tộc

5.3. Hệ thống các cơ quan nhà nước

- 5.3.1. Hệ thống cơ quan quyền lực nhà nước
- 5.3.2. Hệ thống cơ quan hành chính nhà nước

5.3.3. Hệ thống cơ quan xét xử

5.3.4. Hệ thống cơ quan kiểm sát

CHƯƠNG 6 CHẾ ĐỘ BẦU CỬ

6.1. Khái niệm và ý nghĩa của chế độ bầu cử

6.1.1. Khái niệm

6.1.2. Ý nghĩa

6.2. Nguyên tắc bầu cử

6.2.1. Nguyên tắc bầu cử phổ thông

6.2.2. Nguyên tắc bầu cử trực tiếp

6.2.3. Nguyên tắc bầu cử bỏ phiếu kín

6.2.4. Nguyên tắc bầu cử bình đẳng

III. Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.

2. Khoa luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2014), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

3. Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật:

- Hiến pháp các năm: 1946, 1959, 1980, 1992, 2013.

- Luật Tổ chức Quốc hội 2014.

- Luật Tổ chức Chính phủ 2015.

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015.

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương (Luật số 47/2019/QH14).

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội (Luật số 65/2020/QH14).

4. Các sách chuyên khảo, bài viết khoa học có liên quan đến nội dung ôn tập.